

ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC- THẠC SĨ NGÀNH: KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

	Tên ngành	Mã số ngành	Khoa quản lý ngành
Ngành Đại học	Kỹ thuật môi trường	7520320	Môi trường và Tài Nguyên
Ngành Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường	8520320	Môi trường và Tài Nguyên

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Kỹ thuật môi trường:

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KHTN	Toán & Khoa học tự nhiên
CT	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội
GDQP	Giáo dục quốc phòng
GDTC	Giáo dục thể chất
NN	Ngoại ngữ
CSN	Cơ sở ngành/Nhóm ngành
CN BB	Chuyên ngành bắt buộc
CN TC	Chuyên ngành tự chọn
TC	Tự chọn tự do (không yêu cầu phải trong chuyên ngành)
TTTN	Thực tập tốt nghiệp
LVTN	Luận văn tốt nghiệp

❖ Năm học I:

Học kỳ 1 – 16 TC			Học kỳ 2 – 17 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Anh văn 1	2	NN	Anh văn 2	2	NN
Giáo dục thể chất 1	0	GDTC	Giáo dục thể chất 2	0	GDTC
Giáo dục quốc phòng	0	GDQP	Giải tích 2	3	KHTN
Nhập môn kỹ thuật	3	CSN	Hóa đại cương và thí nghiệm	3	KHTN
Giải tích 1	3	KHTN	Hóa phân tích và thí nghiệm	3	KHTN
Đại số	3	KHTN	Sinh thái học đại cương	3	KHTN
Vật lý và thí nghiệm	5	KHTN	Hóa kỹ thuật môi trường 1	3	CSN

❖ Năm học II:

Học kỳ 3 – 16 TC			Học kỳ 4 – 17 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Anh văn 3	2	NN	Anh văn 4	2	NN
Giáo dục thể chất 2	0	GDTC	Triết Mac-Lê Nin	3	CT
Pháp luật Việt Nam đại cương	2	CT	<i>Quá trình sinh học trong kỹ thuật môi trường (*)</i>	2	CSN
<i>Vi sinh vật đại cương và thí nghiệm (*)</i>	3	KHTN	Hóa kỹ thuật môi trường 2	3	CSN
Xác suất thống kê	4	KHTN	Tự chọn 2Tc kiến thức CN	2	CN TC
Vẽ kỹ thuật	3	CSN	Sức bền vật liệu	2	CSN
<i>Quá trình hóa học & hóa lý trong kỹ thuật môi trường (*)</i>	2	CSN	Cơ lưu chất	3	CSN

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học III:

Học kỳ 5 – 16 TC			Học kỳ 6 – 17 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Kinh tế chính trị Mac Lê	2	CT	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	CT
Tự chọn 3 Tc kiến thức CT-KT-VH-XH (Bảng 1B)	3	TC	ĐAMH xử lý nước cấp	2	CN BB
<i>Kỹ thuật xử lý nước thải và thí nghiệm (*)</i>	4	CN BB	ĐAMH xử lý nước thải	2	CN BB
<i>Kỹ thuật xử lý nước cấp và thí nghiệm (*)</i>	4	CN BB	<i>Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và thí nghiệm (*)</i>	4	CN BB
Thực tập tham quan	1	TTTQ	<i>Kỹ thuật xử lý khí thải và thí nghiệm (*)</i>	4	CN BB
Mạng lưới cấp thoát nước	2	CN BB	Thực tập tốt nghiệp (hè)	3	TTTN

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học IV:

Học kỳ 7 –16 TC			Học kỳ 8 – 13 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT	Đường lối cách mạng Đảng Cộng Sản VN	2	CT
Tự chọn 4Tc kiến thức CN	4	CN TC	Biến đổi khí hậu và thực hành	3	KHTN
Kỹ thuật kiểm soát tiếng ồn	2	CN BB	Tự chọn 4Tc kiến thức CN	4	CN TC
Kỹ thuật thông gió	2	CN BB	Luận văn tốt nghiệp	4	LVTN
Kết cấu công trình xây dựng – môi trường	2	CSN			
ĐAMH xử lý khí thải	2	CN BB			
ĐAMH xử lý chất thải rắn	2	CN BB			

2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Kỹ thuật môi trường:

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KTBS	Kiến thức bổ sung
KTC BB	Kiến thức chung bắt buộc
KTC TC	Kiến thức chung tự chọn
KTCN BB	Chuyên ngành bắt buộc
KTCN TC	Chuyên ngành tự chọn
LVThS	Luận văn thạc sĩ

❖ Năm học I:

Học kỳ 1 – 17 TC			Học kỳ 2 – 16 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
<i>Tự chọn 15Tc trong khối kiến thức bổ sung (*)</i>	15	KTBS	Nguyên lý và các quá trình xử lý bậc cao trong KTMT	3	KTCN BB
Quản lý Dự án và Kỹ năng nghiên cứu	2	KTC BB	Công nghệ tiên tiến trong xử lý nước	3	KTCN BB
			Công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải rắn	2	KTCN BB
			Công nghệ tiên tiến trong xử lý khí thải	2	KTCN BB
			Kỹ thuật hiện đại trong kiểm soát và đánh giá các quá trình KTMT	2	KTCN BB
			Tự chọn 4Tc kiến thức chuyên ngành tự chọn	4	KTCN TC

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

❖ **Năm học II:**

Học kỳ 3 – 15 TC			Học kỳ 4 – 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Triết học	3	KTC BB	Luận văn thạc sĩ	12	LV
Quản lý và lãnh đạo	2	KTC BB			
Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	KTC BB			
Tự chọn 8Tc kiến thức chuyên ngành tự chọn	8	KTCN TC			

3. Danh sách các môn học/khối kiến thức của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ giảng dạy trong phần trình độ đại học:

Khi sinh viên học, đạt môn học/khối kiến thức trong CTĐT Thạc sĩ, các môn học/khối kiến thức này sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ			Chương trình đào tạo đại học		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Vi sinh vật	3	BB	Vi sinh vật đại cương và thí nghiệm	3	BB
Các quá trình hóa học và hóa lý trong KTMT	2	BB	Quá trình hóa học & hóa lý trong kỹ thuật môi trường	2	BB
Các quá trình sinh học trong KTMT	2	BB	Quá trình sinh học trong kỹ thuật môi trường	2	BB
KT xử lý nước cấp	4	BB	Kỹ thuật xử lý nước cấp và thí nghiệm	4	BB

KT xử lý khí thải	4	BB	Kỹ thuật xử lý khí thải và thí nghiệm (*)	4	BB
KT xử lý nước thải	4	BB	Kỹ thuật xử lý nước thải và thí nghiệm	4	BB
KT xử lý chất thải rắn	4	BB	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và thí nghiệm	4	BB
Kỹ thuật sinh thái	2	TC	Kỹ thuật sinh thái	2	TC
Mô hình hoá môi trường	2	TC	Mô hình hoá môi trường	2	TC
Kỹ thuật nhiệt trong xử lý chất thải	2	TC	Kỹ thuật lò đốt chất thải	2	TC
Kỹ thuật xử lý đất ô nhiễm	2	TC	Kỹ thuật xử lý đất ô nhiễm	2	TC
Sản xuất sạch hơn	2	TC	Sản xuất sạch hơn	2	TC
Thủy văn môi trường	2	TC	Thủy văn môi trường	2	TC
Quan trắc môi trường	2	TC	Quan trắc môi trường	2	TC

4. Đối tượng, tiêu chí và thời gian xét tuyển

- Người dự tuyển là sinh viên từ năm 3, có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm xét tuyển đạt loại khá trở lên (điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên, theo thang điểm 10), có số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60.
- Thời gian xét tuyển: tại giữa Học kỳ 4 của chương trình đào tạo đại học.